

Chủ nghĩa xã hội lợi sinh dưới ánh sáng Phật pháp

ISSN: 2734-9195 14:38 28/07/2026

Đó là một nền đạo đức của tương duyên, thấy mình trong người, thấy người trong mình; nhận ra mọi sự sống đều nương tựa nhau và không ai có thể an lạc lâu dài giữa một thế giới đầy tổn thương.

Chân nghĩa của một xã hội tương duyên, hòa hợp và phụng sự muôn loài.

Dẫn nhập

Vì sao hôm nay chúng ta cần suy tư về lý tưởng của **chủ nghĩa xã hội**?

Phải chăng chỉ vì muốn chạy theo một trào lưu chính trị nhất thời, hay vì thuật ngữ ấy đã trở nên quen thuộc trong đời sống hiện đại?

Thật ra, “chủ nghĩa xã hội” là một khái niệm đa nghĩa, được diễn giải qua nhiều học thuyết, nhiều bối cảnh lịch sử và nhiều mô hình tổ chức xã hội khác nhau.

Có những hình thức hướng đến công bằng, tương trợ và phúc lợi cộng đồng; nhưng cũng có những hình thức bị chi phối bởi quyền lực, đối kháng và bạo lực.

Bởi vậy, muốn hiểu đúng tinh thần xã hội dưới ánh sáng Phật pháp, trước hết cần vượt khỏi những định kiến chính trị thông thường.

Trong bài viết này, “chủ nghĩa xã hội” không được dùng theo nghĩa một hệ tư tưởng hay một thể chế chính trị cụ thể, mà chủ yếu chỉ một lý tưởng đạo đức và lợi sinh: con người biết sống nương tựa nhau, tiết chế lòng tham, chia sẻ điều kiện sống, bảo hộ sự sống và cùng kiến tạo một cộng đồng hòa hợp.



Hình mang tính minh họa. Nguồn: Internet

Từ cách nhìn ấy, Phật giáo hàm chứa một quan niệm xã hội sâu rộng, không chỉ hướng đến hạnh phúc của một giai cấp, một dân tộc hay riêng loài người, mà mở ra cho hết thảy chúng sinh. Đó là một xã hội được soi sáng bởi duyên khởi, được nuôi dưỡng bằng từ bi, được điều hòa bởi Trung đạo và được hiện thực hóa qua tinh thần Bồ-tát: tự giác, giác tha, lợi mình, lợi người. Người Phật tử tại Thái Lan cũng như ở mọi nơi trên thế giới vì thế cần nhận thức rõ chân nghĩa này, để không bị cuốn theo những danh xưng hào nhoáng, cũng không đánh mất kho tàng tư tưởng lợi sinh vốn đã hiện hữu trong giáo pháp của đức Phật

Phật giáo hàm chứa lý tưởng cao nhất của một xã hội lợi sinh

Chúng ta phải hiểu chủ nghĩa xã hội như thế nào để có thể cải thiện đời sống nhân loại ngay trong hiện tại? Nhìn từ Phật pháp, câu trả lời không bắt đầu bằng việc tranh giành quyền lực hay áp đặt một mô hình tổ chức, mà bắt đầu từ sự chuyển hóa nhận thức và hành vi của mỗi con người.

Trong Phật giáo vốn đã hàm chứa một lý tưởng xã hội vô cùng sâu sắc. Nhận định ấy thoát nghe có thể khiến nhiều người ngạc nhiên, bởi ngày nay thuật ngữ “chủ nghĩa xã hội” thường được gắn với các học thuyết chính trị cận đại. Tuy nhiên, nếu trở về với tinh thần cốt lõi của giáo pháp, chúng ta sẽ thấy lý tưởng về một cộng đồng bình đẳng, hòa hợp, tiết chế dục vọng, tương trợ lẫn nhau và cùng hướng đến giải thoát đã hiện diện từ thời đức Phật.

So với chiều sâu của phật pháp, nhiều học thuyết xã hội thế tục vẫn chưa chạm đến tận gốc khổ đau. Chúng có thể điều chỉnh cơ cấu sở hữu, phân phối tài nguyên hoặc tổ chức quyền lực, nhưng nếu lòng tham, sân hận và si mê trong mỗi con người vẫn còn nguyên vẹn, thì bất công chỉ chuyển từ hình thức này sang hình thức khác. Một xã hội không thể thật sự an lành nếu con người vẫn bị thúc đẩy bởi dục vọng chiếm hữu, tâm lý loại trừ và ý chí thống trị.

Nếu toàn thể loài người biết sống thuận theo nguyên lý tương duyên, biết tôn trọng giới hạn của nhu cầu và nhận ra sự sống của mình gắn liền với sự sống của muôn loài, thì nhiều mô hình xã hội đang được tôn vinh hôm nay chỉ còn là những phương tiện tạm thời. Trái lại, khi một học thuyết nhân danh cộng đồng nhưng lại kích động hận thù, hợp thức hóa bạo lực hoặc phá vỡ trật tự tự nhiên của sự sống, nó đã rời xa chân nghĩa của tinh thần xã hội.

Thuật ngữ “*chủ nghĩa xã hội*” trong sách giáo khoa và các công trình học thuật mang nhiều nội hàm khác nhau. Song xét trên bình diện đạo đức và tâm linh, không một lý tưởng xã hội nào có thể cao hơn con đường đức Phật đã mở ra: con đường lấy sự đoạn trừ tham ái làm nền tảng, lấy từ bi làm động lực, lấy trí tuệ làm ánh sáng và lấy lợi ích của hết thảy chúng sinh làm phương hướng.

Người phật tử, đôi khi không tự nhận biết, vốn đã thừa hưởng một lý tưởng xã hội cao quý. Lý tưởng ấy hiện diện trong phương thức tổ chức và vận hành Tăng đoàn, trong tinh thần lục hòa, trong giới luật, trong đời sống tri túc và trong toàn bộ hạnh nguyện lợi tha của đạo Phật. Nếu quán chiếu hành trạng của đức Phật - suốt đời không ngừng giáo hóa, mở đường giải thoát và đem lại lợi ích cho mọi tầng lớp xã hội - chúng ta sẽ nhận ra một hình thái cao nhất của tinh thần xã hội: không loại trừ, không chiếm hữu, không áp bức và không bỏ rơi bất kỳ ai trong khổ đau.

Con người chưa thể chạm đến chân lý cứu cánh, một phần vì chưa biết sống trọn vẹn với tinh thần ấy. Chúng ta thường bị làm cho rối trí bởi quá nhiều danh xưng và mô hình, đặc biệt khi khái niệm “*chủ nghĩa xã hội*” đã gắn chặt với những cuộc tranh luận chính trị hiện đại. Nhưng Phật pháp nhắc chúng ta trở về với câu hỏi căn bản hơn: con người có biết giảm bớt lòng tham hay không, có biết chia sẻ hay không, có xem nỗi khổ của tha nhân là điều liên hệ đến chính mình hay không?

Chủ nghĩa xã hội theo nghĩa lợi sinh vì thế không phải một điều mới lạ hay thời thượng. Nếu trở về hơn hai nghìn năm trước, chúng ta có thể tìm thấy trong Tăng đoàn Phật giáo một mô hình cộng đồng đáng suy ngẫm: các thành viên cùng sống dưới giới luật, không phân biệt xuất thân, không lấy tài sản làm thước đo phẩm giá, cùng học, cùng tu, cùng nâng đỡ nhau trên con đường giải

thoát.



Hình mang tính minh họa. Nguồn: Internet

Người thật sự thực hành phật pháp sẽ nhận ra trong chính mình khuynh hướng hướng đến cộng đồng và lợi tha. Chúng ta cần nhìn những người đồng loại như những người bạn đang cùng đi qua sinh, già, bệnh, chết; cùng chịu sự chi phối của vô thường; cùng mong cầu hạnh phúc và sợ hãi khổ đau. Khi đã thấy như vậy, ta không thể thân nhiên bỏ mặc họ.

Các bậc trưởng thượng từng nhắc nhở: hãy biết làm lợi ích cho người, biết thương yêu con người và trong từng khoảnh khắc của đời sống, luôn xem tha nhân là bằng hữu. Lời dạy ấy không phải một khẩu hiệu để trang sức cho diễn ngôn đạo đức, mà là lời mời gọi hành động. Lý tưởng xã hội thuần chính phải được hiện thực hóa bằng sự chia sẻ, lòng bao dung, trách nhiệm và tinh thần phụng sự; tuyệt đối không thể bị lợi dụng cho tham vọng chính trị, lợi ích cá nhân hay những mục tiêu bất chính.

Người phật tử cần nhận rõ tinh thần lợi sinh vốn có trong Tăng-già, xem đó như một phương tiện sắc bén để đối trị ác hạnh trong chính mình và khước từ mọi hình thức nhân danh xã hội để áp đặt bạo lực lên người khác. Bởi một xã hội được xây dựng trên sân hận không thể đem lại hòa bình; một cộng đồng nuôi dưỡng sự thù địch không thể dẫn đến giải thoát.

Tăng đoàn tự thân đã hàm chứa một hình thức cộng đồng cao quý, vì vậy chúng ta cần đặt niềm tin sâu sắc vào giáo pháp của đức Phật. Mọi lời dạy của Ngài

đều thấm nhuần tinh thần lợi sinh và cộng đồng. Khi đã có trong tay một gia tài quý báu như thế, người phật tử không nên chạy theo những khẩu hiệu mới mẻ một cách mù quáng, càng không nên để những tư tưởng bạo lực khoác lên mình chiếc áo của công bằng và giải phóng.

Đã từng có những phong trào bên ngoài Phật giáo cổ xúy “vô ngã”, tình thương và sự cảm thông như những khám phá hoàn toàn mới, rồi quay lại khuyên tăng, ni tiếp nhận các quan niệm ấy. Hiện tượng đó cho thấy một nghịch lý: đôi khi người phật tử sở hữu một kho tàng giáo pháp sâu xa nhưng lại không nhận biết đầy đủ giá trị của chính mình.

Nếu có ai muốn dùng một hình thức chủ nghĩa xã hội bạo lực để thay thế lý tưởng từ bi, vô ngã và lợi tha vốn có trong tâm người con Phật, thì đó cũng là một biểu hiện của vô minh.

Chủ nghĩa xã hội chân chính lấy phật pháp và tự nhiên làm nền tảng

Chủ nghĩa xã hội có nhiều loại hình khác nhau. Tuy nhiên, điều chúng ta cần hướng đến là một lý tưởng có khả năng đem lại lợi ích cho toàn thể giới, lấy chân lý Phật pháp làm bản chất và lấy trật tự tương duyên của tự nhiên làm nền tảng.

Tự nhiên vốn mang tính cộng sinh. Không có sự vật nào tồn tại hoàn toàn đơn độc; mọi hiện hữu đều nương vào vô số điều kiện khác để sinh thành, tồn tại và biến đổi. Không có đất, cây từ đâu sinh trưởng? Không có cây, đất làm sao được che chở và gìn giữ? Không có rừng, nguồn nước lấy gì để điều hòa và lưu chuyển? Đất, nước, không khí, ánh sáng và muôn vàn điều kiện của sự sống không tồn tại biệt lập, mà tương tác, nâng đỡ và chế ước lẫn nhau.

Đó chính là biểu hiện sống động của nguyên lý duyên khởi: cái này có nên cái kia có; cái này sinh nên cái kia sinh. Mỗi sự vật chỉ có thể hiện hữu trong mạng lưới tương quan với những sự vật khác. Khi các điều kiện tương tác hài hòa, con người, muông thú, cây cối, đất và nước cùng duy trì được thế quân bình. Khi một mắt xích bị hủy hoại bởi lòng tham và sự khai thác vô độ, toàn thể mạng lưới sự sống đều bị tổn thương.

Ngay trong thân thể con người, không cơ quan nào tồn tại biệt lập. Mắt, tai, mũi, miệng, tim, phổi và vô số hệ thống lớn nhỏ phối hợp với nhau để duy trì sự sống. Một bộ phận suy yếu có thể ảnh hưởng đến toàn thân; một chức năng rối loạn có thể làm mất thế cân bằng của cả cơ thể. Xã hội cũng vậy: mỗi cá nhân

là một thành tố trong chỉnh thể cộng đồng. Hạnh phúc của một người không thể hoàn toàn tách rời điều kiện sống của những người chung quanh.

Từ cái nhìn ấy, mỗi con người đều mang một trách nhiệm xã hội tự nhiên. Chúng sinh cần chung sống trong một trật tự thích hợp, hài hòa và cân bằng. “Tình thương”, “liên đới” và “nhất thể” không chỉ là những cảm xúc đẹp đẽ; đó là năng lực nhận biết rằng sự sống của mình hiện hữu trong sự sống của người khác, và lợi ích chân thật của mình không thể được xây dựng trên sự hủy hoại tha nhân.

Trái lại, thái độ vô trách nhiệm, cạnh tranh cực đoan, phân biệt đối xử và ý muốn tiêu diệt người khác sẽ đẩy xã hội vào xung đột. Lịch sử từng chứng kiến những tập đoàn cùng nhân danh lý tưởng xã hội nhưng lại đối đầu và gây đổ máu cho nhau. Nguyên nhân sâu xa không chỉ nằm ở sự khác biệt học thuyết, mà còn ở tham vọng quyền lực, bản ngã tập thể và tâm lý độc tôn.

Ý nghĩa căn bản của một xã hội chân chính là khả năng chung sống trong hòa hợp. Một cộng đồng hòa hợp phải biết điều tiết khác biệt, tôn trọng phẩm giá của từng thành viên và cùng hướng đến lợi ích chung. Khi một tập thể luôn đề cao chính mình, phỉ báng người khác và xem sự tồn tại của bên kia là mối đe dọa cần loại trừ, tập thể ấy đã đánh mất tinh thần xã hội.

Thực tướng của tự nhiên cho thấy muôn pháp đều tồn tại trong tương quan cộng sinh. Dù con người chưa có đủ tuệ giác để nhìn thấu chân lý ấy, vạn vật vẫn đang từng phút từng giây nương nhau mà hiện hữu. Một hạt mưa chứa trong mình biển cả, mây trời và hơi nước; một hạt lúa mang theo đất đai, ánh nắng, mồ hôi người nông phu và công sức của biết bao người. Không có gì thật sự chỉ thuộc về riêng một cá nhân.

Tổ tiên nhân loại đã phần nào nhận ra chân lý này nên thường dạy con cháu phải gìn giữ sự cộng sinh, cộng tồn của muôn loài và đối đãi với nhau bằng lòng nhân ái. Nhân loại có thể tồn tại đến ngày nay vì biết tổ chức thành xã hội, biết hợp tác, phân công và nâng đỡ lẫn nhau. Xét trên phương diện ấy, con người là một thành tựu kỳ diệu của tự nhiên; nhưng con người chỉ xứng đáng với vị trí ấy khi biết bảo hộ thay vì hủy diệt mạng lưới sự sống đã nuôi dưỡng mình.

Trong lối sống nông nghiệp truyền thống, ruộng lúa không chỉ đem lại lợi ích cho người canh tác mà còn là nơi nương sống của nhiều loài sinh vật. Người nông dân Ấn Độ thuở trước không chỉ nghĩ đến phần tiêu dùng của riêng mình mà còn lưu tâm đến nhu cầu của những loài vật sống quanh đồng ruộng và rừng cây. Họ tin rằng mỗi loài đều có vị trí trong thế cân bằng của tự nhiên. Từ đó có thể thấy, chủ nghĩa xã hội Phật giáo không dừng lại ở phúc lợi con người

mà mở rộng thành một nền đạo đức sinh thái, bao gồm hết thủy hữu tình và môi trường sống của chúng.

Truyền thống văn hóa Ấn Độ từ lâu đề cao việc yêu thương và bảo hộ sinh linh. Nhiều người mộ đạo giữ nếp sống không sát sinh, hạn chế hoặc từ bỏ việc ăn thịt, vì nhận thức rằng mọi loài đều tham sống sợ chết. Dù cách thực hành có thể khác nhau theo từng cộng đồng và thời đại, tinh thần căn bản vẫn là tôn trọng sự sống. Đó là dấu vết sâu đậm của một quan niệm xã hội theo nghĩa cộng sinh: không lấy con người làm trung tâm tuyệt đối, mà đặt con người trong mối tương quan trách nhiệm với muôn loài.

Tăng già: cộng đồng của hòa hợp, tri túc và chia sẻ

Ngay từ buổi đầu, Phật giáo đã kiến lập một cộng đồng tu học mang tinh thần xã hội sâu sắc. Công bằng mà nói, các tôn giáo chân chính đều hàm chứa lý tưởng yêu thương, bảo hộ và liên đới. Tuy nhiên, trong Phật giáo, lý tưởng ấy được thể chế hóa rõ ràng qua Tăng-già, giới luật và đời sống cộng cư.



Hình mang tính minh họa. Nguồn: Internet

“Tăng-già” (Sangha) theo nghĩa nguyên thủy là một hội chúng, một cộng đồng hòa hợp, chứ không chỉ một cá nhân riêng lẻ. Khi nhiều người cùng chung sống và tu học, họ cần những nguyên tắc đủ sức kết nối, điều hòa và bảo hộ mọi thành viên. Trong Tăng đoàn, giới luật chính là sự thể hiện cụ thể của nguyên tắc ấy.

Giới luật không nhằm áp đặt quyền lực lên con người, mà giúp con người vượt qua sự chi phối của tham dục, ngăn ngừa xung đột và duy trì đời sống thanh tịnh. Cốt lõi của giới luật là Trung đạo: không buông thả theo dục vọng, cũng không cực đoan hành hạ thân tâm; không chiếm hữu quá mức, cũng không phủ nhận những nhu cầu thiết yếu của đời sống.

Người xuất gia được dạy không thọ dụng quá mức cần thiết. Y phục, bình bát, chỗ ở và các vật dụng hằng ngày đều được giới hạn trong tinh thần thiểu dục tri túc. Một vị Tỳ-kheo không nên tích chứa y phục dư thừa; chỉ cần ba y, một bình bát và nơi cư trú vừa đủ để che mưa nắng, thuận tiện cho việc tu học. Những quy định ấy không phải sự nghèo khó bị ép buộc, mà là một phương pháp giải phóng con người khỏi sự nô lệ vật chất.

Khi một cá nhân tiêu dùng hoặc chiếm hữu quá nhiều, người ấy dễ bị tài vật khống chế, tâm trí bị phân tán và đời sống bị cuốn vào vòng tích lũy không cùng. Trên bình diện xã hội, nếu một số người lấy quá nhiều so với nhu cầu, phần còn lại tất yếu bị thu hẹp. Sự tích trữ quá độ làm gia tăng khan hiếm; khan hiếm kéo theo bất bình đẳng, nghèo đói và xung đột.

Vì vậy, không chiếm hữu hay tiêu dùng vượt quá nhu cầu là một phương cách thiết thực để giảm thiểu nghèo thiếu. Khi con người biết đủ, phần dư có thể được lưu chuyển và chia sẻ; khi của cải được sử dụng đúng mức, nhiều người hơn sẽ có cơ hội được sống trong an ổn. Tri túc không có nghĩa là ngăn cản phát triển, mà là đặt sự phát triển trong giới hạn của đạo đức, công bằng và trách nhiệm.

Lòng tham là một trong những căn nguyên sâu xa của sự thiếu thốn. Có những xã hội sản xuất rất nhiều nhưng vẫn có người đói khổ, bởi tài nguyên bị tập trung, lãng phí hoặc chiếm giữ. Do đó, lời dạy không thọ dụng quá mức không chỉ là nguyên tắc tu hành cá nhân, mà còn gợi mở một nền đạo đức kinh tế: sản xuất có trách nhiệm, tiêu dùng có chừng mực và phân phối trong tinh thần sẻ chia.

Tăng đoàn cũng đòi hỏi các thành viên phải nâng đỡ lẫn nhau. Người bệnh được chăm sóc; người mới tu được hướng dẫn; những quyết định quan trọng được thực hiện trong tinh thần cộng đồng; bất hòa phải được hóa giải theo giới luật và chánh pháp. Tinh thần lục hòa: thân hòa cùng ở, khẩu hòa không tranh, ý hòa cùng vui, giới hòa cùng tu, kiến hòa cùng giải và lợi hòa cùng chia chính là một khuôn mẫu sâu sắc cho đời sống xã hội.

Một xã hội chỉ thật sự bền vững khi con người biết “lợi hòa đồng quân”: thành quả chung được thọ dụng trong công bằng và trách nhiệm; người mạnh nâng đỡ

người yếu; người có điều kiện không khinh bỏ người thiếu thốn. Ở đó, sự bình đẳng không xóa bỏ khác biệt, mà bảo đảm rằng khác biệt không trở thành lý do cho áp bức và loại trừ.

Lý tưởng bồ-tát - biểu hiện trọn vẹn của tinh thần lợi sinh

Lý tưởng xã hội của Phật giáo được biểu hiện trọn vẹn nhất trong hình tượng Bồ-tát. Bồ-tát không chỉ là người giúp đỡ tha nhân trong những hoàn cảnh riêng lẻ, mà là người phát nguyện sống vì sự giác ngộ và an lạc của tất cả chúng sinh. Đó là con đường biến lòng từ bi thành trách nhiệm, biến trí tuệ thành hành động và biến sự tu tập cá nhân thành một sự nghiệp phụng sự rộng lớn.

Bồ-tát sẵn sàng từ bỏ lợi ích riêng khi lợi ích ấy xung đột với hạnh phúc của số đông; sẵn sàng dấn thân, chịu khó nhọc và hy sinh vì người khác. Tuy nhiên, sự hy sinh của Bồ-tát không phải hành động mù quáng hay tự hủy hoại, mà được dẫn dắt bởi trí tuệ. Từ bi không có trí tuệ có thể trở thành nuông chiều; trí tuệ không có từ bi có thể trở thành lạnh lùng. Bồ-tát đạo là sự viên dung của cả hai.

Toàn bộ tư tưởng Phật giáo đều hàm chứa khuynh hướng lợi tha và cộng đồng. Từ duyên khởi, vô ngã, từ bi đến bố thí, trì giới và nhẫn nhục, mọi pháp môn đều góp phần làm suy yếu sự chấp thủ vào cái tôi biệt lập. Khi cái tôi không còn được xem là trung tâm tuyệt đối, con người tự nhiên mở lòng trước nỗi khổ của tha nhân.

Chủ nghĩa xã hội của Phật giáo, xét đến cùng, không gì khác hơn sự sống thuận theo chân lý duyên khởi: không có sự vật nào có thể tồn tại đơn độc. Một thân cây đứng cô lập dễ bị gió quật ngã; rừng cây nương nhau giữ đất, giữ nước và làm dịu khí hậu. Nhiều loài vật sống thành đàn để bảo vệ và nuôi dưỡng nhau. Con người càng không thể tồn tại nếu thiếu gia đình, cộng đồng, ngôn ngữ, văn hóa và sự nâng đỡ tinh thần của những người chung quanh.

Đời sống cộng cư là một nhu cầu tự nhiên. Việc duy trì nòi giống, tiếp nối các thế hệ và truyền trao kinh nghiệm đều mang tính xã hội. Nhưng con người không chỉ cần nhau để tồn tại về vật chất; chúng ta còn cần sự lắng nghe, cảm thông, công nhận và yêu thương. Không ai có thể phát triển toàn diện trong sự cô lập tuyệt đối.

Bởi thế, một xã hội lợi sinh phải được xây dựng không chỉ bằng luật pháp và cơ chế phân phối, mà còn bằng chất liệu tâm linh: lòng từ, ý thức trách nhiệm, sự chân thật, tinh thần vô ngã và khả năng tự chế. Pháp luật có thể ngăn con

người gây hại trong một giới hạn nhất định, nhưng chỉ sự chuyển hóa nội tâm mới khiến con người tự nguyện không gây hại và chủ động làm điều lành.

Khi lý tưởng Bồ-tát đi vào đời sống, người thầy giáo sẽ xem việc khai mở trí tuệ cho học trò là một hạnh nguyện; người thầy thuốc sẽ xem việc cứu chữa bệnh nhân là phụng sự sự sống; người kinh doanh sẽ không chỉ tìm lợi nhuận mà còn quan tâm đến người lao động, người tiêu dùng và môi trường; người lãnh đạo sẽ xem quyền lực là trách nhiệm; mỗi công dân sẽ hiểu rằng việc làm của mình đều để lại ảnh hưởng trong mạng lưới cộng đồng.

Đó chính là tinh thần xã hội cao nhất: không ai tìm hạnh phúc bằng cách đẩy khổ đau sang người khác; không cộng đồng nào xây dựng thịnh vượng trên sự tàn phá thiên nhiên; không dân tộc nào tìm an ninh bằng cách gieo bất an cho dân tộc khác. Hạnh phúc chân thật phải là hạnh phúc có thể chia sẻ, có khả năng nâng đỡ và không tạo thêm khổ đau cho muôn loài.

Kết luận: Từ tương duyên đến phụng sự

Dưới ánh sáng Phật pháp, chủ nghĩa xã hội lợi sinh không phải là một khẩu hiệu chính trị, càng không phải một cơ chế có thể áp đặt bằng bạo lực. Đó là một nền đạo đức của tương duyên: thấy mình trong người, thấy người trong mình; nhận ra mọi sự sống đều nương tựa nhau và không ai có thể an lạc lâu dài giữa một thế giới đầy tổn thương.

Nền tảng của xã hội ấy là duyên khởi, phương pháp của xã hội ấy là Trung đạo, kỷ cương của xã hội ấy là giới luật và trách nhiệm; hơi ấm của xã hội ấy là từ bi, ánh sáng của xã hội ấy là trí tuệ, hình mẫu sống động của xã hội ấy là Tăng-già hòa hợp và hạnh nguyện Bồ-tát.

Một xã hội chân chính không chỉ hỏi con người sở hữu bao nhiêu, mà còn hỏi con người đã chia sẻ được gì; không chỉ đo lường tốc độ tăng trưởng, mà còn nhìn vào mức độ khổ đau được giảm bớt; không chỉ ca ngợi quyền lực, mà còn trân trọng năng lực bảo hộ sự sống. Khi con người biết đủ để không chiếm đoạt, biết thương để không loại trừ, biết tỉnh thức để không bị dục vọng dẫn dắt và biết phụng sự để làm đẹp cuộc đời, lý tưởng xã hội mới trở thành hiện thực.

Con đường ấy không bắt đầu ở một ngày xa xôi, cũng không chờ một thể chế hoàn hảo xuất hiện. Nó bắt đầu ngay trong từng ý nghĩ, lời nói và hành động hôm nay: một bữa cơm biết sẻ chia, một quyết định kinh doanh có lương tâm, một chính sách đặt con người và môi trường ở trung tâm, một bàn tay đưa ra với người đang khổ, một tâm niệm không bỏ rơi bất kỳ sinh linh nào.

Khi mỗi người biết sống như một phần có trách nhiệm của toàn thể, xã hội sẽ không còn chỉ là nơi con người cùng tồn tại, mà trở thành đạo tràng rộng lớn của sự tỉnh thức và yêu thương. Khi ấy, tinh thần lợi sinh của Phật pháp không còn nằm trên trang kinh, mà hiện diện giữa cuộc đời - trong hòa hợp, công bằng, tri túc và hạnh nguyện phụng sự muôn loài.

Nguyên tác: “ / : ”

Chuyển ngữ: **Thích Vân Phong**

Nguồn: - www.gaya.org.tw